Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8213.00.00

Mã HS	8213.00.00
Mô tả hàng hóa	Kéo, kéo thợ may và các loại kéo tương tự, và lưỡi của chúng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 16:56:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/82130000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12580
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12580
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12580
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.5	17,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11939
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11882
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11882
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11882
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11882
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11882
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11882
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E11934
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11934
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11934

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11934
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11934
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11934
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11935
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11935
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11935
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11935
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11935
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11935
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AK!F11938
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11888
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F11894
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G11894
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H11894
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I11894
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J11894
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K11894
VKFTA	2022	2022	5	VK!E11927
VKFTA	2023	2023	5	VK!F11927
VKFTA	2024	2024	5	VK!G11927
VKFTA	2025	2025	5	VK!H11927
VKFTA	2026	2026	5	VK!I11927
VKFTA	2027	2027	5	VK!J11927
VCFTA	2022	2022	5	VC!D11972
VCFTA	2023	2023	3	VC!E11972
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11972

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11972
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11972
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11972
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D11957
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E11957
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F11957
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11957
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11957
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11957
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D11957
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E11957
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F11957
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G11957
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H11957
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11957
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D11974
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11974
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11974
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11974
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11974
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11974
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D11973
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11973
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11973
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11973
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11973

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11973
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11920
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11920
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11920
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11920
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11920
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11920
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11920
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11957
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11957
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11957
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11957
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11957
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11957
RCEP B	2022	2022	0	B!D11957
RCEP B	2023	2023	0	B!E11957
RCEP B	2024	2024	0	B!F11957
RCEP B	2025	2025	0	B!G11957
RCEP B	2026	2026	0	B!H11957
RCEP B	2027	2027	0	B!I11957
RCEP C	2022	2022	0	C!D11957
RCEP C	2023	2023	0	C!E11957
RCEP C	2024	2024	0	C!F11957
RCEP C	2025	2025	0	C!G11957
RCEP C	2026	2026	0	C!H11957
RCEP C	2027	2027	0	C!I11957

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D11956
RCEP D	2023	2023	0	D!E11956
RCEP D	2024	2024	0	D!F11956
RCEP D	2025	2025	0	D!G11956
RCEP D	2026	2026	0	D!H11956
RCEP D	2027	2027	0	D!I11956
RCEP E	2022	2022	0	E!D11960
RCEP E	2023	2023	0	E!E11960
RCEP E	2024	2024	0	E!F11960
RCEP E	2025	2025	0	E!G11960
RCEP E	2026	2026	0	E!H11960
RCEP E	2027	2027	0	E!I11960
RCEP F	2022	2022	0	F!D11957
RCEP F	2023	2023	0	F!E11957
RCEP F	2024	2024	0	F!F11957
RCEP F	2025	2025	0	F!G11957
RCEP F	2026	2026	0	F!H11957
RCEP F	2027	2027	0	F!I11957
VIFTA	2024	2024	22.5	VI!F11055
VIFTA	2025	2025	20	VI!G11055
VIFTA	2026	2026	17.5	VI!H11055
VIFTA	2027	2027	15	VI!I11055

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8213.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 8213.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12580), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.